

TỪ SỰ XƯỚNG HỌA GIỮA LÊ QUÝ ĐÔN VỚI SỨ GIẢ TRIỀU TIÊN, SUY NGÃM VỀ VĂN HỌC ĐI SỨ ĐÔNG Á

LIÊU TRIỆU HANH (*)

Sau khi trình bày một cách vắn tắt nội dung xướng họa văn thơ giữa Lê Quý Đôn với đoàn sứ giả Triều Tiên - Hồng Khải Hy tại kinh đô nhà Thanh (Bắc Kinh) đời Càn Long năm thứ 26 (1760), tác giả đã trình bày những suy tư của mình về văn học đi sứ, về khả năng và triển vọng của việc nghiên cứu văn học đi sứ Đông Á, về vai trò của văn thơ chữ Hán với quan hệ ngoại giao giữa các nước trong khu vực này.

1. Trong ngoại giao qua lại giữa các nước Đông Á, từ Minh Thanh trở lại đây, đã thể hiện đầy đủ truyền thống thi phú *Tả truyện*. Dưới sự hạn chế của thể chế thương mại triều cống, cơ hội tiếp xúc trực tiếp của sứ giả các nước Đông Á dường như chỉ có trong sứ quán của Bắc Kinh. Điều đó đã tạo nên những trải nghiệm hiếm có đối với các nhà trí thức, và trên phương diện văn học sử, mỗi nơi tự lưu giữ những ghi chép độc đáo của riêng mình. Ví như, sự xướng họa giữa Phùng Khắc Khoan với sứ giả Triều Tiên Lý Toái Quang đã trở thành chủ đề đàm đạo say sưa của các nhà trí thức hai nước Việt Nam và Triều Tiên, giới học thuật ngày nay cũng quan tâm nhiều về nó. Trong thời gian đi sứ nhà Thanh, Lê Quý Đôn đã xây dựng tình hữu nghị tốt đẹp với đoàn sứ giả Triều Tiên Hồng Khải Hy, thơ chữ Hán cũng trở thành chủ đề bàn luận của đôi bên, làm tăng thêm cơ hội hiểu biết trực tiếp để hai bên tìm hiểu lẫn nhau. Bài viết này lấy sự xướng họa giữa Lê Quý Đôn và các văn nhân Triều Tiên làm đối tượng xem xét, tìm hiểu về vấn đề này, đồng thời ngẫm nghĩ thêm về khả năng nghiên cứu văn học đi sứ của Đông Á.

2. Đời Càn Long năm thứ 26 (1760, Canh Thìn, năm thứ 21 niên hiệu Cảnh Hưng), tại Bắc Kinh, Lê Quý Đôn cùng với chính sứ Trần Huy, phó sứ Trịnh Xuân Thụ, Trần Nhật Xương đã xướng họa, ngâm vịnh cùng với Yên hành sứ Hồng Khải Hy trong sở quán Hồng Lư. Lê Quý Đôn có nói về sự kiện này trong *Kiến văn tiểu lục*(1) như sau:

“... Cuối năm Canh Thìn đời Cảnh Hưng, kẻ hèn này cùng với Trần Huy Mật, Trịnh Xuân Thụ tham gia bữa tiệc tất niên, có gặp sứ bạn là Hồng Khải Hy, Triệu Vinh Tiến, Lý Vi ở sở quán Hồng Lô, trải chiếu mời nhau ngồi, dùng giấy bút để nói chuyện với nhau, nhân giao tình tốt đẹp, sau khi trở về chỗ ở của mình, họ liền lệnh hai vị thiếu khanh đem thổ vật tới tặng. Năm mới lại sai ba người con của mình là Hồng Toàn Hối, Triệu Quang Quy, Lý Thích Phượng tới thăm, chúng tôi ở lại kinh hai tháng, thư từ qua lại, đại khái đều tốt đẹp cả.

Bức thư đêm giao thừa viết: “Từng xem địa đồ và kinh sách mà biết tới quý

(*) Phó giáo sư, Viện Văn Triết, Viện Nghiên cứu Trung ương Đài Loan.

(1) Xem: Lê Quý Đôn. *Kiến văn tiểu lục*.

bang, nhưng Đông Nam xa xôi, gần như sức bò ngựa (là giống có tính chạy rộng mà còn) không thể đến được. Ngồi chung chiếu trong Lư tự, thực là việc bất ngờ, tuy chưa quen thuộc mà trong bụng rất kính mến, lòng nhớ nhung canh cánh. Gần tới chia tay, kẻ đi theo hầu có đưa tôi tờ hồng, trở về mở ra xem, thấy toàn những ý trình trọng như lúc ngồi chung, không ngăn được cảm động. Việc mong có một lần đến quý quán, để lại chiêm ngưỡng tôn dung, chúng tôi há chẳng có ý đó sao? Nhưng vì thể lệ bó buộc, đôi bên chúng ta cùng như nhau, đoạn tuyệt thật là chướng hận. Quạt giấy ở nước tôi là thổ vật, cho nên gọi là có một chút để làm kỉ niệm, theo như di ý của “lụa nước Ngô, gấm nước Trịnh” chép trong Tả truyện, không biết ngài có vui lòng nhận cho không?”

Đầu năm, ngày nguyên đán đưa thư nói: “Trước đây tiếp được lời phúc đáp quý báu, đến nay cầm lấy ngẫm nghĩ, khi tinh thần gặp gỡ thì nước Việt nước Yên cũng không xa. Bên quý ngài lại sai người mang tin tới, để rõ sức khỏe trong dịp năm mới, thôi là vui mừng khôn xiết. Như kẻ hèn này chẳng qua chỉ là người ngoài ba nghìn dặm, mà ở nơi đất khách, gặp năm mới, còn không xiết bồn chồn về lòng riêng nhớ nước nhớ nhà; huống hồ các ngài lận lợi nước non hàng năm hàng tháng, giữa đầu trông về phương Nam, thì làm thế nào mà nêu được tấm lòng tưởng nhớ. Tôi muốn đến ngay quý quốc, bực bạch ra ngòi bút đầu lưỡi, để biết văn hiến phương Nam, nhưng vừa bó buộc về thể lệ, lại vừa lúc công việc bận rộn, thành ra không thỏa mãn được ý định của tôi, đúng như câu người ta nói sát cánh nhau mà thành nhỡ dịp, thật là đáng tiếc! Phẩm vật được ngài có thịnh tình ban

cho, xin nhận lĩnh đủ số và trân trọng tạ ơn, bởi vì từ chối là không tôn kính. Tôi đã học được lời dạy của thầy Mạnh Tử nước Trâu. Tuy thế, mà tôi tự nghĩ vẫn không yên tâm, xin ngài xét cho”.

Lời tiểu dẫn của Hồng thượng thư phúc đáp bài thơ của Trần chánh sứ (tức Trần Huy Mật – ND.) rằng: “Ở nơi đất khách, được tiếp dung nhan, do đấy mà người được sự sâu não, bài thơ gửi ngày mồng 7 tháng giêng, thịnh tình đầy rẫy, tôi lúc bé học nghề nhỏ mọn từ chương, lúc lớn bỏ dở, nay kính đọc bài thơ tươi đẹp, không khác gì khúc nhạc thổi sáo bằng thơ. Vậy xin kính đáp lại, để hợp với sự gặp mặt ở nơi muôn dặm đường trường”.

Lời tiểu dẫn đáp lại bài thơ của tôi rằng: “Trông thấy dung nghi thanh nhã, còn đỉnh ninh ghi nhớ trong lòng, nay nhận được bài thơ tươi đẹp không khác gì được thừa tiếp bóng dáng thanh tao. Bài thơ ấy ý tứ sát, âm điệu hay, làm cho người ta đọc đi đọc lại hai ba lần, dường như bắt được viên ngọc quý. Về nghề làm thơ, tôi vẫn biếng nhác, đi đường trường hàng ba ngàn dặm, mà tự thẹn không có lấy một bài thơ. Nay được tiếp thịnh tình, không lẽ cô phụ bụng tốt, vì thế quên cả vụng về quê kệch, kính xin nối điệu, chỉ e bị chú phở dưới mùng cười khúc khích”.

Lời tiểu dẫn đáp lại bài thơ của Trịnh phó sứ (tức Trịnh Xuân Thụ) rằng: “Ngon đèn lẻ loi ở nơi quán khách, chỉ ngâm thơ của Cao Thực Châu, Tiết Đạo Hạnh, buồn không có gì để tiêu khiển, bỗng nhận được bài thơ tươi đẹp, có thể khuây khỏa được sự tưởng nhớ khi gặp mặt ở quán Hồng Lô, mở thơ để suy nghĩ ngâm nga, vui sướng như người được của. Nay xin bắt chước vẽ nhàn Tây tử, để giúp vào vật liệu dùng đầy lọ tương”.

Lời tiểu dẫn đáp lại bài thơ của Trần chánh sứ rằng: “Thư từ gửi đến luôn luôn, tâm linh được thông suốt, không phải như người ta nói “nhà gần mà người xa” vậy. Chúng ta như bèo mây tan hợp, việc ấy không cần nói đến làm gì, mà gái nước Trịnh, lựa nước Ngô cũng chưa từng có để tặng đáp, duy mỗi lần tỏ rõ tâm tình, cũng có thể lưu lại được quang cảnh ở trong giấy mực. Tôi bận việc vất vả suốt ngày, không mấy lúc chống cái gậy khô mà đi dạo chơi được, thành ra không tránh khỏi cái lỗi họa vắn khí chậm, thật đúng như câu nói: “người hay kẻ dở cách nhau hàng ba mươi dặm đường”.

Lời tiểu dẫn đáp lại thơ của tôi rằng: “Thần Tương thủy gảy đàn ở trên sông Thu, khúc đàn đã kết thúc mà vẫn không thấy người. Cổ nhân dùng điển này ví với thơ văn tốt bậc, ý nói thơ văn đến chỗ thần kì độc đáo. Nay tức hạ dùng ngòi bút mô tả cảnh hư không, thấu suốt một điểm linh tinh, không ngại tào phiến. Tôi hai ba lần đọc thơ văn gửi đến khôn xiết nhảy múa vui mừng. Rất biết rằng lời tựa của Huyền Yển không làm tăng giá trị bài phú Tam đô, giọng quê kệch ở thôn quê khó có thể họa được khúc dương xuân bạch tuyết, nhưng không dám hoàn toàn cô phụ lòng chu đáo của ngài. Nay xin đem hết tài nghệ con lừa đáp lại, mong ngài vui lòng nhận cho, thì may mắn lắm”.

Lời tiểu dẫn của Lý học sĩ (tức Lý Huy Trung) đáp lại thơ của ba sứ thần rằng: “Phương xa gặp nhau, nghiêng cây lọng cùng nhau nói chuyện, đây không phải là sự tầm thường, khi xếp ban thứ ở sân rồng, được thừa tiếp dung nghi thanh nhã. [Nhưng tiếc vì] mấy câu chuyện sơ qua, không khác gì trông bông dưới nước; về nằm sông nơi công quán, áy náy suốt

ngày, may được người giúp việc ngài hạ cố, ban cho lời văn xinh tươi, gặp gỡ phương trời, được lời vàng ngọc phương Nam vang đến, ngâm nga mang về Đông thổ, trân tàng trong níp trong rương. Xướng có họa không, muôn dặm không bờ, lời vắn tình dài, tinh thần cung tỏ”.

Những trứ tác nông cạn của tôi, như *Quần thư khảo biện*, *Thánh mô hiền phạm lục* và *Tiêu tương bách vịnh thi* làm trong khi đi đường đều được Hồng thượng thư viết giúp lời giới thiệu trên đầu sách, Lý học sĩ cũng làm bài tựa tập thơ bách vịnh. Sau đây, tôi có đưa cho quan khâm sai bạn tổng là Lang trung Tần Triệu Châu xem, Tần khen là văn chương có khí tượng cao siêu, hình sắc rực rỡ.

Năm Quý Tỵ (1773), bạn đồng khoa với tôi là ông Nguyễn Dao, phụng mệnh đi sứ, khi đến Bắc Kinh, có gặp Lý Trí Trung, phó sứ nước ấy, nói là cháu học sĩ Lý Huy Trung, lại nói chuyện chú ông ta đã cùng Thị giảng Lê Quế Đường(2) “quý quốc” kết nghĩa tương tri nơi đất khách và trao đổi văn thơ với nhau, Lý Trí Trung lại đưa danh thiếp nhỏ cho sứ thần nước ta tỏ ý hỏi thăm tôi hiện nay giữ chức gì và kính chúc bình yên.

Lời trích dẫn rất dài, nhưng để thấy sự chân thực của tình ý trong đó, chỉ có cách chép toàn bộ. Nửa trên của đoạn viết là những lời khen ngợi đối với phong tục hồn hậu, chuộng lễ giữ phép của Triều Tiên. Lê Quý Đôn mô tả những trao đổi qua lại bằng giấy bút giữa hai bên sứ giả, lòng trân trọng có thể nhận thấy rõ rệt. Từ sự tặng quà và đối đáp giữa sứ thần hai nước, không khó để nhận ra tình cảm giữa hai nước vừa quen, mà vừa lạ. Trong

(2) Tên hiệu của Lê Quý Đôn.

quá trình phụng sứ xuất hành, Lê Quý Đôn đem những tác phẩm của mình như *Quần thư khảo biện* và *Thánh mô hiền phạm lục* tặng cho những người bạn mà ông quen trên đường cho tới các sĩ nhân trung thổ và sĩ nhân ở Triều Tiên, đều được mọi người đồng lòng khen ngợi.

Về chuyến đi Bắc Kinh này, Lê Quý Đôn từng nói: “Dọc đường gặp các sĩ đại phu trung châu, khó khăn trong trò chuyện, gần như gặp kẻ địch vậy, lại có cống sứ Triều Tiên, khâm sai bạn tống quan, đều là văn hào một thời, không nhìn nhau bằng con mắt nước ngoài, nói chuyện qua lại, kẻ hèn này thực có phúc lớn, trong lúc đối đáp chữ nghĩa, may không bị cười chê, càng muốn khen ngợi hơn. *Quần thư khảo biện*, *Thánh mô hiền phạm lục* đều được viết ra lúc kẻ hèn này chưa đến ba mươi tuổi, được những người nổi tiếng yêu thích, không chỉ giữ khư khư lấy một mình, thế mới biết lòng người không khác, đem thành chính ra đối với nhau, lấy chữ nghĩa để biết nhau, thì bốn bề đều là anh em cả”(3). Đối với Lê Quý Đôn, lần đi sứ Trung Quốc này đích thực là một cuộc hội ngộ hiếm có trong đời. Không chỉ đem lại những hiểu biết mới cho Lê Quý Đôn, sự giao tiếp với các nhân sĩ trung thổ và Triều Tiên càng là những kinh nghiệm quý giá không thể thay thế được trong quá trình hình thành tri thức của Lê Quý Đôn, càng cho thấy những quan niệm giá trị từ trước tới giờ của ông có ý nghĩa phổ biến.

3. Các tiết sứ Triều Tiên mà Lê Quý Đôn gặp ở Bắc Kinh chủ yếu có ba người là: chính sứ Hồng Khải Hy, phó sứ Triệu Vinh Tiến, Đại học sĩ Lý Vi Trung. Theo *Quốc triều nhân vật khảo*, Hồng Khải Hy từng là trạng nguyên, nhiều lần đi sứ

Nhật Bản và Bắc Kinh, có kinh nghiệm ngoại giao phong phú. Triệu Vinh Tiến, Lý Vi Trung đều giữ chức quan trọng ở triều Lý. Về những nhân vật mà Lê Quý Đôn gặp gỡ tại Bắc Kinh, học giả Nhật Bản là Thanh Thủy Thái Lang từng có những khảo chứng chi tiết, rất đáng tham khảo(4).

Qua những ngôn từ của Lê Quý Đôn, dường như ông tự hào trước những thơ văn đề tặng của tiết sứ Triều Tiên. Thực ra, thơ văn là sở trường của sứ thần Triều Tiên, đến Trung Quốc cũng có khi phải chịu lép vế, hoặc được dẫn ra để làm răn. Thảm Đức Phù có niên đại sớm hơn một chút từng nói về phương thức tiếp đãi sứ nhà Minh của Triều Tiên đời văn Minh như sau:

Tục của Triều Tiên rất coi trọng thơ văn. Cũng lập ra Hương hội thí. Các bồi thần tới triều cống đa phần là đại liêu??? Gọi người được bàn việc chính sự là Tể tướng. Buộc phải có một Ngự sử để theo dõi. Điều chọn lựa kĩ càng từ những người văn học nổi tiếng làm sử giới. Nếu thiếu phải mua đồ tịch??? Ngẫu dục? châu(5)

Hiển nhiên, văn học đi sứ qua lại giữa Triều Tiên và Trung Quốc là tiêu điểm quan tâm của các học giả Trung Quốc và Triều Tiên. Nhà Nho Nhật Bản Lâm La Sơn gọi đó là “thi chiến” (cuộc chiến bằng thơ văn – ND.). Trong mối quan hệ giữa Lê Quý Đôn và sứ đoàn Hồng Khải Hy không hề có chuyện giương cung múa kiếm thơ văn kiểu “thi chiến”, mà đó là

(3) Lê Quý Đôn *Bắc sử thông lục* (Tự tự).

(4) Thanh Thủy Thái Lang. 〈ベトナム使節と朝鮮使節の 中国での邂逅〉, 《北東アジア文化研究》(日本鳥取女子短期大学), số 12 (2001:10), tr.31-47.

(5) Thảm Đức Phù. *Vạn Lịch dã hộ biên* (Bắc Kinh, Trung Hoa thư cục, 2004), quyển 30, tr.786.

sự “tương tri tương tích” (biết tài và trân trọng tài của nhau – ND.). Tuy Tiên Khiêm Ích(6) không hề biểu lộ bất mãn đối với trình độ làm thơ trong *Hoàng Hoa tập*, nhưng đối với những người làm thơ chữ Hán ở các nước Đông Á, trình độ Hán văn của các sứ tiết Triều Tiên, thông qua cái nhìn của các sứ giả Việt Nam, là đối tượng để sứ tiết các nước ngưỡng mộ.

4. Suy ngẫm về thơ chữ Hán ở Đông Á với quan hệ ngoại giao

Thơ chữ Hán là một giới và công cụ cho sự giao lưu, hiểu biết lẫn nhau giữa các nền văn hóa khu vực Đông Á. Từ Minh Thanh về sau, các sứ tiết ngoại giao qua lại ngày càng nhiều và việc tặng thơ lẫn nhau đúng thực là đã tái hiện truyền thống thi phú *Tả truyện*. Do vậy, trong lúc thiên hạ thái bình, sự gặp gỡ giữa thi nhân các nước đã cho thấy quan niệm về bờ cõi thế giới và trật tự của người thời ấy. Còn trong những lúc biến loạn, có thể thấy, nhà thơ tìm kiếm sự an ổn thân tâm trong thơ, trong khi một số đông nhóm trí thức bị biếm trích, lưu phóng, phiêu di, thi ca trở thành phương thức tuyệt nhất cho sự kí thác nỗi lòng. Thi ca không chỉ là công cụ biểu đạt tình cảm, chí hướng cá nhân, mà còn là con đường tốt hơn cả để tìm kiếm hệ thống giá trị trong cái trật tự thế giới đang biến động gay gắt.

Bắt đầu từ truyền thống thi phú của *Tả truyện*, sứ tiết ngoại giao và thơ phú trở nên gắn kết không rời. Khổng Tử nói: “Hành kỉ hữu sĩ, sử ư tứ phương, bất nhục quân mệnh, khả vị sĩ hĩ”(7) (Hành động của mình có liêm sỉ, đem nó ra vận dụng ở bốn phương, không làm nhục mệnh vua, có thể gọi là sĩ vậy). Phan Lỗi đời Thanh sơ đã rút ra được một sự khái quát về văn hóa viết của sứ tiết trước đời

Hán, thậm chí cho rằng, tác phẩm sứ tiết đã mở ra cả một nguồn mạch phong nhã cho nghìn năm. Ông viết: “*Thần phụng mệnh ra khỏi biên cương, có những sự lạ kì lợi hại an nguy, phải ứng phó để không nhục mệnh, Thánh nhân đều cho đó là việc khó, chức trách của người đi sứ thật là nặng nề. Mà những người thời xưa phụng mệnh đi sứ để lại danh tiếng, luôn luôn là các sĩ nhân văn nhã. Học trò của Tử Sản, Quý Trác, Yến Anh thời Xuân Thu, đều biết lắm hiểu nhiều, giỏi về giao tiếp. Lục Giả, Nghiêm Trợ, Chung Quân, Tư Mã Thiên, Tương Như đời Hán đều nhất nhất phụng mệnh đi sứ. Cho đến Trần Thang lập công tuyệt vời, mà Truyện gọi công của ông là chương tấu; Tô Tử Khanh tiết tháo, mà được tặng năm chữ làm tổ của phong thi nghìn đời. Như thế để thấy làm sứ cho Thiên tử, chỉ có văn nhân là phù hợp nhất*”(8). Thơ của Tô Vũ tặng Lý Lăng thật ra chỉ là đồn thổi, dường như đã thành định luận, ai ai cũng nói như vậy, nhưng Phan Lỗi đã nhìn ra mối quan hệ giữa sứ tiết và văn học viết, đó có thể coi là có nhận thức sâu sắc.

Văn hóa viết của sứ tiết không chỉ có ghi chép về phong thổ nhân tình, mà còn phản ánh, một là, sự quan sát lẫn nhau

(6) Tiên Khiêm Ích viết: “Các bề tôi bản triều theo hầu, phụng sứ Cao Lê, vì có *Hoàng Hoa tập*... Đồng quốc văn thể cùng phổ, từ lâm chư công, không ngại chịu khổ tới đó, đem ngụ ý nhu viễn nên ít có những từ dễ thẹn. Tiên Khiêm Ích. *Bạt Hoàng hoa tập, Mục Tề hữu học tập* (Thượng Hải, Thượng Hải cổ tịch xuất bản xã, quyển 46, tr.1528-1529).

(7) (Thanh) Nguyễn Nguyên (hiệu khâm) *Luận ngữ chú sớ, Thập tam kinh chú sớ*, (Đài Bắc, Nghệ văn ấn thư quán, 1955), tr.118.

(8) Phan Lỗi. *Tổng Ônng Chu thứ phụng sứ Lưu Câu tự, Trúc Sơ Đường tập, Tử khố toàn thư tồn mục tùng thư*, (Đài Nam huyện: Trang Nghiêm văn hóa, 1995), tập bộ, sách 250, quyển 9, tr.52.

giữa góc nhìn “tôi và họ”; *hai là*, sự va chạm và dung hợp giữa sự vật mới, cũ và quan niệm giá trị; *ba là*, sự phản ánh về các mặt của thương nghiệp hoặc hiện thực xã hội. Lấy giai đoạn Minh Thanh làm ví dụ xem xét, sau khi thể chế giao dịch triều cống nhà Minh được xác lập, đã quyết định hình thái cơ bản của sự ngoại giao qua lại giữa các nước Đông Á. Cuối Thanh, chủ nghĩa quốc tộc nổi dậy, hình thái ngoại giao giữa Trung Quốc và thế giới tiến vào trong hệ thống thế giới, giao dịch triều cống truyền thống chính thức bước vào quá khứ. Thế nhưng, bất luận trong thời kỳ nào, thơ chữ Hán luôn giữ một vai trò quan trọng trong sự qua lại giữa các nước Đông Á, những du kí của sứ tiết cũng là sử liệu quan trọng để nhìn lại lẫn nhau. Ví như, lịch sử Lưu Cầu (quần đảo Ryukyu nằm giữa Trung Quốc và Nhật Bản – ND.) có quan hệ cực kỳ chặt chẽ với những sắc phong đi sứ Lưu Cầu trong hai đời Minh Thanh, sự phát hiện ra Đài Loan cũng có liên quan tới sắc phong sứ Lưu Cầu đời Minh(9); nhà thơ lớn đời văn Thanh là Hoàng Tôn Hiến cũng có chỗ đứng trong lịch sử ngoại giao cận đại, tác phẩm của ông nhận được sự đón nhận của độc giả cả hai nước Trung Quốc và Nhật Bản. *Mặt khác*, sự lưu truyền ở khu vực khác cũng tạo nên thanh danh cho nhà thơ, như *Họa nguyệt lục* của Tào Huyền trong thi đàn cuối đời Thanh viết: “Những kẻ háo danh trong kinh luôn luôn kết giao với các sĩ sinh (các sứ giả tới triều đình – ND.), hy vọng có thể lưu danh tiếng sang nước khác, nên Lý Thuần Khách có mấy bài thơ lưu truyền sang nước khác, đều không phải là những tác phẩm hay”(10). Nói tóm lại, văn hóa viết của sứ tiết các nước Đông Á

vừa là cửa ngõ để xem xét lẫn nhau, vừa là môi trường để hai bên lên tiếng tìm hiểu qua lại; thậm chí, có khả năng còn thành bằng chứng cho những ý tưởng (và tưởng tượng) văn hóa của một quốc gia hoặc khu vực. Sứ tiết ngoại giao còn đại diện cho một sự du nhập tri thức mới, quan điểm mới, như sứ tiết Nhi Khiêm đời Minh ở Triều Tiên(11), tăng Hoàng Bích Tông tới Nhật Bản khoảng giữa Minh Thanh(12). Văn hóa viết của sứ tiết cũng là công cụ quan trọng để giải mã cách bày tỏ tình cảm truyền thống nghiêng về lối lý luận. Học giả Nhật Bản là Thôn Tĩnh Chương Giới đã có những thảo luận rất chi tiết về thơ chữ Hán và quan hệ thông giao giữa Triều Tiên và Nhật Bản(13). Những nghiên cứu về *Yên hành lục*, *Hoàng Hoa tập* đã đẩy lên sự chú ý của các học giả(14), nhưng các nhà nghiên cứu vành đai ngôn ngữ Hán vẫn

(9) Những nghiên cứu về phương diện này rất nhiều, nghiên cứu mới đây có thể xem: Chu Uyển Diệu. *Núi trong sóng nước – Tổng luận về người Minh với nhận thức Đài Loan*, “Học báo Lịch sử Đại học Đài Loan”, số 40 (2007:12), tr.93-148.

(10) Tào Hoàng. *Họa nguyệt lục*, người viết chưa từng đọc, trích dẫn theo: Tiền Trọng Liên (chủ biên). *Thanh thi kỉ sự* (Nam Kinh, Giang Tô cổ tịch xuất bản xã, 1987), quyển triều Gia Khánh, tr.8228.

(11) Xem: Vương Quốc Lương. *Nhi Khiêm “Liêu Hải biên” và “Canh Ngộ Hoàng hoa tập”*, Trương Bá Vĩ. *Vực ngoại Hán tịch từng khản* (Bắc Kinh, Trung Hoa thư cục, 2006), quyển 2, tr.337-346.

(12) Về nghiên cứu của Hoàng Bích Tông, xem: Liêu Triệu Hanh. *Hình tượng Nhật Bản trong thơ ca của Thiền sư Mộc Yên – Lấy núi Phú Sĩ và tăng lão làm đối tượng trung tâm*, *Tập san nghiên cứu Văn Triết Trung Quốc*, Viện Nghiên cứu Trung ương số 24 (2004:03) tr.129-153; *Hai thanh âm trong thi ca Thiền sư ẩn Nguyên: lấy thơ cuối đời làm trọng tâm* trong Diệp Quốc Lương, Trần Minh Tư. *Ngôn ngữ Hán học nghiên cứu tục thám, Văn học thiên* (Đài Bắc, Trung tâm xuất bản Đại học Đài Loan, 2005), tr.157-186; v.v..

(13) Thôn Tĩnh Chương Giới: *《東アジア往還—漢詩と外交》* (Đông Kinh, Triều Nhật tân văn xã, 1995).

còn thiếu những nghiên cứu về sự phong phú của văn bản và nội hàm trong văn học Trung Quốc có liên quan tới sứ tiết. Năm nay, các học giả khối Hoa ngữ đã bắt đầu chú ý tới điều này, nhưng những nghiên cứu văn học Hán của sứ tiết Việt Nam vẫn còn rất không đầy đủ. Sự tương hỗ giữa sứ tiết và văn học là một kho tàng quý báu có sức ảnh hưởng rộng, nội dung phong phú, sự phong phú của các thể tài và những ý nghĩa hàm chứa trong đó vẫn còn đợi những nghiên cứu sâu hơn.

Mặt khác, chúng tôi nhận thấy rằng, đối với các sứ thần ngoại giao, những trải nghiệm lễ hành không chỉ là những hồi ức khó quên của cá nhân, mà còn là những vốn văn hóa quan trọng trong đời sống xã hội và tri thức của họ. Văn hóa viết của sứ tiết (bao gồm thơ, du kí, tấu nghị, v.v.) không chỉ là những sự nghe nhìn du lịch đơn thuần, mà hơn thế, còn phải truyền đạt được những tư thế và thanh điệu của chính quyền ở đằng sau đó. Do vậy, văn học viết sứ tiết là sự khai triển những thanh điệu phức hợp, đang đợi chờ những sự thuyên thích và phục dựng từ nhiều góc độ khác nhau.

Kết luận

Thơ chữ Hán với quan hệ ngoại giao là một mắt xích quan trọng trong văn học chữ Hán ở Đông Á, sự nghiên cứu này vẫn còn ở trong giai đoạn thử nghiệm đối mới của thế giới Hán ngữ. Tính quan trọng của chủ đề nghiên cứu này thể hiện ở:

1. Đáp ứng trào lưu nghiên cứu văn học văn hóa quốc tế hiện nay. Ai cũng biết rằng, tư duy không gian gần như thay thế tư duy thời gian, những bàn luận của một chủ thể đơn nhất luôn bị thay thế bởi tính chủ thể tương hỗ. Do đó, những nghiên cứu về lễ hành, địa lí học nhân văn, địa

chí văn hóa trở nên rộng rãi trên thế giới. Văn hóa viết sứ tiết cung cấp tài nguyên và điều kiện tuyệt vời cho những nghiên cứu theo hướng này.

2. Cung cấp cho văn học Trung Quốc góc nhìn và ngôn ngữ lý luận mới. Như đã nói, văn hóa viết sứ tiết không hề là đối tượng chủ yếu của những nghiên cứu văn học Trung Quốc ở quá khứ, mà nhìn trong tiến trình nghiên cứu trước mắt, ít ra trong giai đoạn Minh Thanh, mức độ các tác phẩm được lưu truyền ra nước ngoài cũng là biện pháp quan trọng để các nhà thơ, tác giả có được danh tiếng hay lợi ích. Những văn tự qua lại giữa Yên hành sứ Triều Tiên với nhà thơ Tứ Xuyên Lý Điều vào giữa đời Thanh cũng là chuyện có thực khiến các sử gia văn học hứng thú bàn bạc, tất cả đều có thể thấy trong *Vũ thôn thi thoại* của Lý Điều Nguyên, còn *Tùy viên thi thoại* của Viên Mục cũng có một số ghi chép về sứ tiết Triều Tiên. Lấy văn hóa viết sứ tiết làm mẫu chốt, ý cảnh mỹ học và sách lược tu từ đều có ít nhiều những nhận thức và thể nghiệm chứng thực khác nhau đối với việc thể hiện phạm trù và nội hàm văn học Trung Quốc.

3. Suy tư về vai trò của văn học chữ Hán, sự qua lại của các sứ tiết Đông Á, thơ chữ Hán, văn chữ Hán là một hình thức quan trọng nhất của văn hóa. Thậm chí, các sứ thần của Nhật Bản – Hàn Quốc, Hàn Quốc – Việt Nam cũng dùng thơ chữ Hán để thù họa. Ở các khu vực

(14) Nghiên cứu liên quan xem lời dẫn trước của Vương Quốc Lương, Tào Hồng. *Luận Đồng Việt “Triều Tiên phú” – Bàn thêm về mối quan hệ ngoại giao và từ phú thời cổ đại*, *Vực ngoại* Hán tịch tùng khán, quyển 1, tr.411-421; Lý Nham. *Trung Hàn văn học quan hệ sử luận* (Bắc Kinh, Xã hội khoa học văn hiến xuất bản xã, 2003), tr.388-400; v.v..

Đông Á ngoài Trung Quốc, *Hoàng Hoa tập* do các sứ thần Trung Quốc - Hàn Quốc xướng họa đã trở thành mẫu mực cho thơ chữ Hán các nước học theo. Từ cận đại trở về trước, văn hóa Hán bằng chữ Hán từng là tâm điểm suy tư của các trí thức thuộc các vùng văn hóa khác. Trong khi mọi người sôi nổi bàn tán về những ảnh hưởng Nhật Bản mà Lương Khải Siêu tiếp thu, thì lại quên mất rằng, ở Nhật Bản trước đó đã từng lưu hành *Hải quốc đồ chí* của Ngụy Nguyên. Văn hóa viết của sứ tiết chính là bước khởi đầu tốt nhất cho sự suy ngẫm về việc Hán ngữ, Hán văn, Hán thi được truyền bá và diễn biến ở khu vực Đông Á.

4. Cung cấp nhận thức sâu hơn về tình thế tác động lẫn nhau giữa các nước Đông Á, bao gồm Trung Quốc, Lưu Cầu, Nhật Bản, Hàn Quốc (Triều Tiên). Đồng thời, qua văn hóa viết của sứ tiết, nhận thức về mô hình thế giới của nhóm trí thức Đông Á đương thời cũng như quá trình xung đột và điều hòa trong hành trình giao lưu với các nền văn hóa khác cũng rõ hơn.

Thơ đi sứ, đặc biệt là những phát ngôn trong tình huống quan phương, bắt buộc phải tính tới lập trường tổ quốc. Thực ra, trong sự qua lại giữa các nước Đông Á thế kỷ XVI - XVII, thơ chữ Hán luôn giữ vai trò quan trọng.

Trong *Sử Lưu Cầu lục*, chúng ta thấy, ngoài đại lễ triều cống, sự xướng họa với các văn nhân tại nơi đó dường như là hoạt động văn hóa quan trọng nhất của các sứ thần tại đất Lưu Cầu. Các thi tăng Lưu Cầu có thể làm thơ hay không cũng là chủ đề bàn luận yêu thích của các sứ tiết(15). Thơ vừa là một bộ phận của từ lệnh ngoại giao, vừa là thứ biệt được không thể thiếu trong đời sống tinh thần.

Nếu như thể chế giao dịch triều cống quy định cái khung cơ bản cho trật tự giữa các nước, thì thi ca sứ tiết lại phản ánh cái trật tự thiên hạ đó, dùng sự ấm áp của thơ ca để làm giảm đi sự lạnh lẽo của cái khung cứng nhắc ấy. Sự xướng họa giữa các sứ tiết Đông Á chứa đựng sự tiếp xúc qua lại dưới cái nhìn của nhau, giữa "tôi và họ", thi phú đồng thời là chất môi giới trọng yếu cho sự tác động lẫn nhau giữa những thể chế chính trị(16). Sau sự tương phùng của Lê Quý Đôn và sứ thần Triều Tiên ở Bắc Kinh trong suốt thời Thanh, sứ thần Triều Tiên vẫn duy trì sự giao lưu với các sứ thần Việt Nam(17), nhưng dường như không được tốt đẹp bằng mối giao tình giữa Lê Quý Đôn và Hồng Khải Hy. Từ đó dễ thấy, cuộc hành trình đi Bắc Kinh của Lê Quý Đôn, vừa để nâng học thức của mình lên, vừa là vì danh tiếng bang quốc, đích thực là một lần ngoại giao thành công cho nước nhà.□

Người dịch: ThS. TRẦN THỊ THÚY NGỌC
(Viện Triết học, Viện Khoa học xã hội Việt Nam)

(15) Trong các tác phẩm của Uông Nhiếp, Từ Bảo Quang, Triệu Văn Hải, Lý Đình Nguyên, đều đề cập đến thi tăng ở Lưu Cầu, xem: Vương Hàm. *Minh Thanh sắc phong sứ biệt tập trung Lưu Cầu sử liệu khoa cử ngẫu, Đông Đài Loan Đông Á văn minh nghiên cứu học khán* (Đài Loan đại học Đông Á văn minh nghiên cứu trung tâm), kì 6 (2006:12), tr.111-129.

(16) Xem thêm: Bộc Hiện Khuê. *Thơ xướng họa giữa sứ thần Việt Nam và Triều Tiên trong Hoàng Việt thi tuyển, Tập san nghiên cứu Hán tịch ở nước ngoài*, quyển 1 (Bắc Kinh, Trung Hoa thư cục, 2005), tr.293-306; Tào Hồng. *Bàn về "Triều Tiên phú" cùng quan hệ ngoại giao và từ phú thời cổ đại, Tập san nghiên cứu Hán tịch ở nước ngoài*, quyển 1, tr.411-424; Vương Quốc Lương. *Nhi Khiêm Liêu Hải biên và Canh Ngộ Hoàng hoa tập, Tập san nghiên cứu Hán tịch ở nước ngoài*, quyển 1 (Bắc Kinh, Trung Hoa thư cục, 2006), tr.337-346.

(17) Như Yến hành sứ Lý Đức Phù, Liễu Đắc Cung, Từ Cáo Tu cuối thời Càn Long đều từng đề cập đến ấn tượng về sứ tiết An Nam trong các tác phẩm của mình.